

**1. MÔN TOÁN 8 – TUẦN 9**

**Tiết 17,18. Bài 12: CHIA ĐA THỨC MỘT BIẾN ĐÃ SẮP XẾP.  
LUYỆN TẬP**

**1. Phép chia hết:**

Thực hiện phép tính:  $(2x^4 - 13x^3 + 15x^2 + 11x - 3) : (x^2 - 4x - 3)$

Giải:

$$\begin{array}{r}
 2x^4 - 13x^3 + 15x^2 + 11x - 3 \\
 \underline{2x^4 - 8x^3 - 6x^2} \\
 -5x^3 + 21x^2 + 11x - 3 \\
 \underline{-5x^3 + 20x^2 + 15x} \\
 x^2 - 4x - 3 \\
 \underline{x^2 - 4x - 3} \\
 0
 \end{array}
 \quad \left| \begin{array}{r}
 x^2 - 4x - 3 \\
 \hline
 2x^2 - 5x + 1
 \end{array} \right.$$

Dư cuối cùng bằng 0, ta được thương là  $2x^2 - 5x + 1$ . Khi đó ta nói

$$2x^4 - 13x^3 + 15x^2 + 11x - 3 = (x^2 - 4x - 3)(2x^2 - 5x + 1).$$

Phép chia có dư bằng 0 gọi là phép chia hết.

**2. Phép chia có dư:**

Thực hiện phép tính:

$$\begin{array}{r}
 5x^3 - 3x^2 + 7 \\
 \underline{5x^3 + 5x} \\
 -3x^2 - 5x + 7 \\
 \underline{-3x^2 - 3} \\
 -5x + 10
 \end{array}
 \quad \left| \begin{array}{r}
 x^2 + 1 \\
 \hline
 5x - 3
 \end{array} \right.$$

Phép chia trong trường hợp này được gọi là phép chia có dư,  $-5x + 10$  gọi là dư và ta có  $5x^3 - 3x^2 + 7 = (x^2 + 1)(5x - 3) - 5x + 10$

**\* Chú ý:** Người ta chứng minh được rằng đối với hai đa thức tùy ý A và B của cùng một biến (B ≠ 0), tồn tại duy nhất một cặp đa thức Q và R sao cho  $A = B \cdot Q + R$ , trong đó R bằng 0 hoặc bậc của R nhỏ hơn bậc của B (R được gọi là dư trong phép chia A cho B). Khi R = 0 phép chia A cho B là phép chia hết.

**Bài tập:**

**Bài 67/SGK trang 31**

a) Sắp xếp:  $(x^3 - x^2 - 7x + 3) : (x - 3)$

$$\begin{array}{r}
 x^3 - x^2 - 7x + 3 \\
 \underline{x^3 - 3x^2} \\
 2x^2 - 7x + 3 \\
 \underline{2x^2 - 6x} \\
 -x + 3 \\
 \underline{-x + 3} \\
 0
 \end{array}
 \quad \left| \begin{array}{r}
 x - 3 \\
 \hline
 x^2 + 2x - 1
 \end{array} \right.$$

**Bài 68/SGK trang 31**

a)  $(x^2 + 2xy + y^2) : (x + y) = (x + y)^2 : (x + y) = x + y$ .

b)  $(125x^3 + 1) : (5x + 1) = (5x + 1)(25x^2 - 5x + 1) : (5x + 1) = (25x^2 - 5x + 1)$ .

**Bài 70/SGK trang 32**

b)  $(15x^3y^2 - 6x^2y - 3x^2y^2) : (6x^2y) = 3x^2y(5xy - 2 - y) : (6x^2y) = \frac{1}{2}(5xy - 2 - y)$ .

**Bài 74/SGK trang 32**

$$2x^3 - 3x^2 + x + a = (x+2)(2x^2 - 7x + 15) + a - 30$$

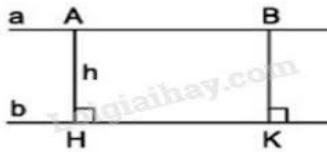
Để phép chia trên là phép chia hết thì  $a-30=0$  hay  $a=30$ .

Vậy  $a=30$  thì phép chia trên là phép chia hết.

**Tiết 17,18: Bài 10: ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VỚI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CHO TRƯỚC. LUYỆN TẬP**

**1. Khoảng cách giữa hai đường thẳng song song**

?1



Hình 93

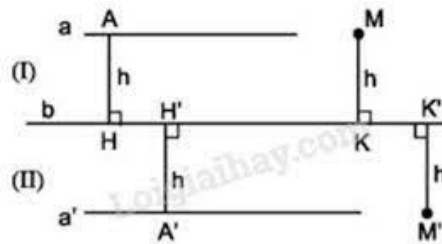
Vì  $a \parallel b$  nên  $\hat{A} = 90^\circ$ . Do đó tứ giác ABKH là hình chữ nhật.

Suy ra  $BK = AH = h$

**Định nghĩa:** Khoảng cách giữa hai đường thẳng song song là khoảng cách từ một điểm tùy ý trên đường thẳng này đến đường thẳng kia.

**2. Tính chất của các điểm cách đều một đường thẳng cho trước**

?2



Hình 94

Ta có  $AH \parallel MK$  (vì cùng vuông góc với  $b$ ).

$AH = MK = h$

Suy ra tứ giác AMKH là hình bình hành.

Do đó  $AM \parallel HK$  hay  $M \in a$ .

Chứng minh tương tự, ta được  $A'M' \parallel b$  hay  $M' \in a'$ .

**Tính chất:** Các điểm cách đường thẳng  $b$  một khoảng bằng  $h$  nằm trên hai đường thẳng song song với  $b$  và cách  $b$  một khoảng bằng  $h$ .

**Nhận xét:** Tập hợp các điểm cách một đường thẳng cố định một khoảng bằng  $h$  không đổi là hai đường thẳng song song với đường thẳng đó và cách đường thẳng đó một khoảng bằng  $h$ .

**2. MÔN NGỮ VĂN 8 – TUẦN 9**

**TIẾT 33,34,35: ÔN TẬP TRUYỆN KÍ VIỆT NAM**

**I. Lập bảng thống kê những văn bản truyện, kí Việt Nam đã học từ đầu năm học:**

Tên VB, TG	Thể loại	PTBD	NỘI DUNG	Đặc điểm NT
Tôi đi học- Thanh Tịnh	Truyện ngắn	TS+MT+BC	Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên đi học	Ngôn ngữ giàu chất thơ,h/ả so sánh mới mẻ
Trong lòng mẹ- Nguyễn Hồng	Hồi kí (trích)	Tự sự (xen trữ tình)	Nỗi cay đắng ,tủi cực cùng tình yêu thg cháy bỏng của tg thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh.	Lời văn chân thực, trữ tình tha thiết.
Tắt đèn -Ngô Tất Tố- ( 1893-1954	Tiểu thuyết	Tự sự + Mta+ BC	Vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của TDPK. - Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của người PNNTVN lúc bấy giờ.	- Khắc hoạ nhân vật qua ngôn ngữ, hành động. - Miêu tả hiện thực một cách chân thực, sinh động
Lão Hạc ( 1943) Nam Cao (1915-1951)	Truyện ngắn	TS+MT+BC	Số phận đau thương, bi thảm và phẩm chất cao đẹp của người nông dân cùng khổ trong XHVN trước CMT8	- Khắc hoạ nhân vật sinhđ động có chiều sâu tâm lí. - Kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.- Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên.

**II. So sánh nội dung và nghệ thuật của ba văn bản: trong lòng mẹ, tức nước vỡ bờ, lão Hạc**

**1. Giống nhau:**

- Đều là văn tự sự, truyện kí hiện đại, sáng tác vào thời kì 1930 -1945.
- Đều lấy đề tài về con người và cuộc sống xã hội đương thời, đi sâu vào miêu tả số phận cực khổ của con người bị vùi dập.
- Đều chan chứa tinh thần nhân đạo.
- Đều có lối viết chân thực, gần đời sống, sinh động ( bút pháp hiện thực)

**2. Khác nhau:**

Văn bản	Thể loại	PTBD	Nội dung	Nghệ thuật
Trong lòng mẹ	Hồi kí (trích)	Tự sự(xen trữ tình)	Nỗi đau của chú bé mồ côi và tình yêu thương mẹ của chú bé	Văn hồi kí chân thực, trữ tình tha thiết.
Tức nước vỡ bờ	Tiểu thuyết(trích)	Tự sự	Phê phán chế độ tàn ác, bất nhân và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn ,sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông thôn.	Khắc hoạ nhân vật và miêu tả hiện thực moat cách chân thực, sinh động.
Lão Hạc	Truyện ngắn(trích)	Tự sự(xen trữ tình)	Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và nhân phẩm cao đẹp của họ	Nhân vật được đào sâu tâm lí, cách kể chuyện tự nhiên, linh hoạt, vừa chân thực, vừa đậm chất triết lí

**III. Suy nghĩ về nhân vật yêu thích:**

? Qua các văn bản truyện kí đã học, em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?( gợi ý: nhân vật trong văn bản nào? Tác giả? Lí do yêu thích?).

HS: Tự trình bày

**Hướng dẫn về nhà :**

-Học bài cũ

-Chuẩn bị bài: **Thông tin về ngày trái đất năm 2000**

**Tiết 36 :Văn bản :**

**THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000**

**I. Đọc - Tìm hiểu chung**

**1. Đọc**

**2. Từ khó:**

Phân huỷ ,miễn dịch.

**3. Bố cục :**

- MB : Thông báo về ngày trái đất.
- TB : Tác hại và các biện pháp.
- KB : Kiến nghị

**4. Kiểu văn bản:** Thuyết minh

**II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:**

**1. Thông báo về ngày trái đất**

- Ngày 22/4 : Ngày trái đất với chủ đề BVMT.
- Có 141 nước về dự.
- Năm 2000, VN tham gia với chủ đề “Một ngày không sử dụng bao ni lông”
- > TM bằng các số liệu cụ thể, đi từ thông tin khái quát đến cụ thể, lời thông báo ngắn gọn, rõ ràng.

**2. Tác hại của việc sử dụng bao ni lông và những biện pháp hạn chế sử dụng**

**a. Tác hại :**

**\* Đối với môi trường:**

- Cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật, gây xói mòn.
- Làm tắc cống rãnh gây ngập úng, phát sinh muỗi gây dịch bệnh.
- Chết sinh vật biển.

**\* Đối với sức khoẻ con người**

- Ô nhiễm thực phẩm -> gây hại cho não, ung thư phổi.
- Khí đốt gây ngộ độc, khó thở, nôn ra máu, ung thư... và gây dị tật cho trẻ sơ sinh...
- > Liệt kê, phân tích=> Khoa học, chính xác, thuyết phục.

**b. Biện pháp :**

- Thay đổi thói quen sử dụng, giặt bao ni lông để dùng lại.
- Hạn chế tối đa dùng bao ni lông: khi không cần thiết, sử dụng túi đựng bằng giấy, lá.
- Tuyên truyền cho mọi người biết.

**3. Kiến nghị :**

- Nhiệm vụ : Bảo vệ trái đất thoát khỏi ô nhiễm bằng hoạt động cụ thể “Một ... lông”
- > Câu cầu khiến : Kêu gọi tha thiết, động viên=> Thuyết phục.

**III. Tổng kết : (Ghi nhớ SGK.)**

**Hướng dẫn về nhà :**

-Học bài

-Chuẩn bị : **Nói tránh nói giảm.**

-Học bài cũ :**Nói quá**



**3. MÔN ANH 8 – TUẦN 9**

**Week 9: UNIT 4 (Getting started, A closer look 1, A closer look 2)**

**Period: 25,26,27**

**UNIT 4: OUR CUSTOMS AND TRADITIONS**

**\* VOCABULARY**

1. accept (v) /ək'sept/ : chấp nhận, nhận
2. break with (v) /breɪk wɪð/ : không theo
3. clockwise (adv) /kɒkwaɪz/ : theo chiều kim đồng hồ
4. compliment (n) /'kɒmplɪmənt/ : lời khen
5. course (n) /kɔ:s/ : món ăn
6. cutlery (n) /'kʌtləri/ : bộ đồ ăn (gồm thìa, đĩa, dao)
7. filmstrip (n) /'fɪlmstri:p/ : đoạn phim
8. host (n) /həʊst/ : chủ nhà (nam)
9. hostess (n) /'həʊstəs/ : chủ nhà (nữ)
10. generation (n) /,dʒenə'reɪʃn/ : thế hệ
11. offspring (n) /'ɒfsprɪŋ/ : con cái
12. oblige (v) /ə'blaɪdʒ/ : bắt buộc
13. palm (n) /pɑ:m/ : lòng bàn tay
14. pass down (v) /pɑ:s daʊn/ : truyền cho
15. prong (n) /prɒŋ/ : đầu đĩa (phần có răng)
16. reflect (v) /rɪ'flekt/ : phản ánh
17. sharp (adv) /ʃɑ:p/ : chính xác, đúng
18. sense of belonging (n) /sens əv bɪ'lɒŋɪŋ/ : cảm giác thân thuộc
19. social (adj) /'səʊʃl/ : thuộc về xã hội
20. spot on (adj, informal) /spɒt ɒn/ : chính xác
21. spray (v) /spreɪ/ : xịt
22. spread (v) /spred/ : lan truyền
23. table manners (n, plural) /'teɪbl 'mænə (r)/ : quy tắc ăn uống trong bàn ăn, phép tắc ăn uống
24. tip (n, v) /tɪp/ : tiền boa, boa
25. unity (n) /'ju:nəti/ : sự thống nhất, đoàn kết
26. upwards (adv) /'ʌpwədz/ : hướng lên trên
27. You're kidding! (idiom) /jʊə kɪdɪŋ/ : Bạn nói đùa thế thôi!

**A. GETTING STARTED**

**1. Listen and read:**

**1a. Find a word / phrase that means:**

1. accepted      2. generations      3. spot on      4. sharp      5. social      6. table manners

**1b. Tick (✓) True or false**

1. T      2. F ( There are also social ones.)  
 3. T      4. F ( There are a lot of customs for table manners in the UK)

**1c. Answer the questions:**

1. It's eating dinner at 7 p.m. sharp.
2. He's surprised.
3. They both refer to doing something that develops over time.
4. A custom is something accepted. A tradition is something special and is passed down through the generations.

5. They should find information about a custom or tradition.

**1d. Find these sentences in the conversation and fill in the missing words;**

1. have to: It's an obligation – you have no choice

2. should: It's a suggestion or advice – it would be best to follow it.

**2a. Matching:**            1.g    2.c    3.f    4.h    5.e    6.a 7.b    8.d

**2b. Write C (custom) or (T) tradition under each picture in a:**

**Suggested answers:**

1.C    2. C or T    3. C    4.T    5.C    6.C                    7. T    8. C or T

**3. Game:**    CUSTOMS AND TRADITIONS EXPERTS

**B. A CLOSER LOOK 1**

**I. Vocabulary**

**1. Matching:**            1.e    2.d    3.a    4.g    5.b    6.c    7.f

**2. Read the full sentences in 1 and complete the expressions below:**

1.custom            2.tradition    3.according    4.tradition    5.with                    6.of

7.doing

**3. Read the following customs and traditions...**

1. According to tradition, we have fireworks on New Year's Eve.

- There's a tradition in our province of having fireworks on New Year's Eve.

- My area broke tradition by not having firecrackers on New Year's Eve.

2. It's the custom to wait until the guests finish eating before leaving the dinner table.

3. There is a tradition for adults to touch children's heads.

4. According to the tradition, people decorate their houses on special occasions.

5. Women break the tradition of shaking stranger's hands.

**4. Now complete the following sentences with your own ideas:**

1. It's the custom in my country that family members get together on Tet holiday.

2. We broke the tradition by not decorating the house on Tet holiday.

3. There is a tradition in my family that we always have dinner at night together.

4. We have a custom of doing exercise in the morning.

5. According to tradition, adults give lucky money to children on Tet holiday.

**II. Pronunciation:** Clusters: /spr/ and /str/

**5. Complete the words under the pictures...**

1.straw                    2.streeet                    3.spring                    4.spray

5.astronaut                    6.frustrated                    7.espresso                    8.newsprint

**6. Listen and circle the words:**

1.strictly    2.strangers,spread    3.streets    4. filmstrip    5. offspring

**C. A CLOSER LOOK 2**

**I. Grammar**            **Should and shouldn't to express advice: review**

**1. Look at the pictures and complete the sentences with *should* or *shouldn't*:**

1. should            2. shouldn't    3. should            4. shouldn't    5. should

**2. Matching:**

1.b            2.c    3.e            4.d            5.a

Ex: You make a decision about what you must do. Give one example:

*We must clean the house before Tet because we think it will bring luck.*

**3. Complete the sentences with the correct form of *have to*:**

1.have to    2.have to    3.has to    4.had to, don't have to    5.does...have to

6.didn't have to

**4. Choose A or B to convey the meaning of the first sentence** 1.B                    2.A

3.A            4.B

**5. Mi is going to visit her friend Eri in Japan.....**

1. Shouldn't give-> should give
2. Has to->have to
3. Shouldn't wear->should wear
4. Didn't have to-> don't have to
5. Have use-> have to use
6. Should worry->shouldn't worry

**6. Work in pairs....**

**Advice:**

- Children should take things from adults with both hands.
- You shouldn't wear shorts when going to the pagoda.
- You should bring a gift when you visit someone's house.

**Obligation:**

- You have to take your hat off when going inside the main worship area of the temple.
- You don't have to tip in Vietnam.
- Before leaving the dinner table, you must ask for permission.

**\* HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.
- Do the exercises in your Workbook.
- Prepare the next lesson.



**4. MÔN VẬT LÝ 8 – TUẦN 9**

**Bài 8: ÁP SUẤT CHẤT LỎNG – BÌNH THÔNG NHAU (tiết 1)**

**I. Sự tồn tại của áp suất trong lòng chất lỏng**

Chất lỏng không chỉ gây ra áp suất lên thành bình, mà lên cả đáy bình và các vật ở trong lòng chất lỏng.

**II. Công thức tính áp suất chất lỏng**

$$p = d.h$$

Trong đó:

- p là áp suất ở đáy cột chất lỏng (pa),
- d là trọng lượng riêng của chất lỏng (N/m<sup>3</sup>)
- h là chiều cao của cột chất lỏng (m).

**Lưu ý:** Công thức cũng áp dụng đúng cho tính áp suất tại một điểm bất kỳ trong lòng chất lỏng nhưng h là độ sâu.

Trong một chất lỏng đứng yên, áp suất tại những điểm trên cùng một mặt phẳng nằm ngang (có cùng độ sâu) có độ lớn như nhau.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

HS tìm hiểu mục: Có thể em cha biết.

Học bài và xem phần tiếp theo ‘ hai bình thông nhau’ . Làm bài tập từ 8.1 →8. 6 (SBT). Đọc thêm mục “Có thể em chưa biết”.

**5. MÔN HÓA HỌC 8 – TUẦN 9**

**Bài 13: PHẢN ỨNG HOÁ HỌC**

**A. Nội dung bài học:**

**I. Định nghĩa:**

\* Quá trình biến đổi chất này thành chất khác gọi là phản ứng hóa học.

\* Phương trình chữ:

Tên chất phản ứng → Tên các sản phẩm

(Chất tham gia) (Chất sinh ra)

VD: Phương trình chữ:

Lưu huỳnh + oxi → lưu huỳnh đioxit.

Đường → Than + Nước.

\* Bài tập 3 (sgk trang 50)

Parafin + oxi → Nước + Cacbon đioxit.

(Chất tham gia) (Chất sinh ra)

**Bài tập 1:** *Viết phương trình chữ của các phản ứng hóa học trong các quá trình biến đổi sau:*

a. Đốt cồn trong không khí tạo thành khí cacbonic và nước.

b. Đốt bột nhôm trong không khí, tạo thành nhôm oxit.

c. Điện phân nước, thu được khí hiđro và oxi.

**Bài làm**

a) Cồn + oxi → khí cacbonic + nước  
(chất tham gia) (sản phẩm)

b) Nhôm + oxi → nhôm oxit  
(chất tham gia) (sản phẩm)

c) Nước → khí hiđro + khí oxi  
(chất tham gia) (sản phẩm)

**II. Diễn biến của phản ứng hoá học:**

\* **Kết luận:** “Trong PƯHH chỉ có liên kết giữa các nguyên tử thay đổi làm phân tử này biến đổi thành phân tử khác”.

**III. Khi nào thì phản ứng hoá học xảy ra?**

Phản ứng hoá học xảy ra khi

- Các chất phản ứng tiếp xúc với nhau.

- Cần đun nóng đến một nhiệt độ nào đó (tùy mỗi PƯ cụ thể) .

- Một số phản ứng cần có mặt chất xúc tác.

**IV. Làm thế nào để nhận biết được có phản ứng hoá học xảy ra?**

\* **Dấu hiệu nhận biết:** Có chất mới tạo ra.

Như : - Thay đổi màu sắc.

- Thay đổi trạng thái.

- Thay đổi tính tan ( từ lỏng sang rắn, từ lỏng sang khí)

- Sự toả nhiệt, phát sáng.

**B. Hướng dẫn về nhà:**

\* Ôn lại các khái niệm đã học, làm các bài tập, ghi nhớ các quy tắc và cách lập CTHH, xem lại các nội dung: biểu diễn CTHH, hoá trị, cách lập CTHH để tiến hành luyện tập.



**6. MÔN SINH HỌC 8 – TUẦN 9**

**Tiết 17 - BÀI 17 : TIM VÀ MẠCH MÁU**

**I. Cấu tạo tim:**

**1. Cấu tạo ngoài :**

- Vị trí, hình dạng : Tim nằm trong lồng ngực, giữa 2 lá phổi hơi lệch về bên trái, từ xương sườn thứ 2 → 4. Tim hình chóp, bằng nắm tay đứng quay xuống dưới.
- Màng tim: bao bọc bên ngoài tim bằng mô liên kết, mặt trong tiết dịch giúp tim co bóp dễ dàng.
- Động mạch vành và tĩnh mạch vành làm nhiệm vụ dẫn máu nuôi tim.

**2. Cấu tạo trong :**

- Tim có 4 ngăn
- Thành cơ tâm thất dày hơn cơ tâm nhĩ.
- Cơ tâm thất trái dày hơn cơ tâm thất phải.
- Giữa tâm nhĩ và tâm thất có van nhĩ thất. Giữa tâm thất và động mạch có van thất động (van tổ chim) giúp máu lưu thông theo một chiều.

**II. Cấu tạo mạch máu :**

<b>Các loại mạch</b>	<b>Cấu tạo</b>	<b>Chức năng</b>
<b>Động mạch</b>	- Thành có 3 lớp với lớp mô liên kết và lớp cơ trơn dày hơn của tĩnh mạch. - Lòng hẹp hơn tĩnh mạch.	- Dẫn máu từ tim tới các cơ quan với vận tốc cao, áp lực lớn.
<b>Tĩnh mạch</b>	- Thành có 3 lớp nhưng lớp mô liên kết và lớp cơ trơn mỏng hơn của động mạch. - Lòng rộng hơn của động mạch. - Có van 1 chiều ở những nơi máu chảy ngược chiều trọng lực.	- Dẫn máu từ khắp các tế bào cơ thể về tim với vận tốc và áp lực nhỏ.
<b>Mao mạch</b>	- Nhỏ và phân nhánh nhiều. - Thành mỏng, chỉ gồm một lớp biểu bì. - Lòng hẹp.	- Toả rộng tới từng tế bào của các mô, tạo điều kiện cho sự trao đổi chất với các tế bào.

**III. Chu kỳ co dẫn của tim:**

**1. Chu kỳ co dẫn của tim:** Chu kì co dẫn tim gồm 3 pha, kéo dài 0,8 s

+ Pha dẫn chung: 0,4s.

+ Pha nhĩ co: 0,1s.

+ Pha thất co: 0,3s.

**2. Nhịp tim:** Mỗi chu kỳ co dẫn của tim gọi là nhịp tim.

→ Sự phối hợp hoạt động của các thành phần cấu tạo của tim qua 3 pha làm cho máu được bơm theo một chiều từ tâm nhĩ vào tâm thất và từ tâm thất vào động mạch.

**Tiết 18 - BÀI 18 :**

**VẬN CHUYỂN MÁU QUA HỆ MẠCH.**

**VỆ SINH HỆ TUẦN HOÀN**

**I. Sự vận chuyển máu qua hệ mạch:**

- Sự hoạt động phối hợp các thành phần cấu tạo của tim và hệ mạch tạo ra huyết áp trong mạch.

- Sức đẩy chủ yếu giúp máu tuần hoàn liên tục và theo 1 chiều trong hệ mạch.

**II . Vệ sinh hệ tim mạch:**

**1. Cần bảo vệ tim mạch tránh các tác nhân có hại:**

- + Không sử dụng các chất kích thích có hại : rượu, thuốc lá, hêrôin...
- + Cần kiểm tra sức khoẻ định kì hàng năm để phát hiện khuyết tật liên quan đến tim mạch để điều trị kịp thời.
- + Khi bị sốc, hoặc stress cần điều chỉnh cơ thể theo lời bác sĩ.
- + Cần tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch: thương hàn, bạch cầu, .. và điều trị kịp thời các chứng bệnh như cúm, thấp khớp...
- + Hạn chế ăn thức ăn có hại cho tim mạch như: mỡ động vật...

**2. Cần rèn luyện hệ tim mạch :**

- Tập TDTT thường xuyên, đều đặn vừa sức kết hợp với xoa bóp ngoài da.

**7. MÔN LỊCH SỬ 8 – TUẦN 9**

**Bài 12**

**NHẬT BẢN GIỮA THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX**

**I. Cuộc Duy tân Minh Trị (1868).**

1. *Lãnh đạo:* Thiên hoàng Minh Trị.

2. *Mục đích:* đưa đất nước phát triển, thoát khỏi sự xâm lược của tư bản phương Tây.

3. *Nội dung:*

- Chính trị: Xác lập quyền thống trị của tầng lớp quý tộc tư sản; ban hành hiến pháp, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.
- Kinh tế: Thống nhất thị trường, tiền tệ, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn...
- Quân sự: Cải cách quân đội theo kiểu phương Tây.
- Giáo dục: Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng khoa học - kĩ thuật, cử học sinh du học phương Tây.

4. *Ý nghĩa:*

- Giữ vững độc lập, chủ quyền trước sự xâm lược của đế quốc phương tây.
- Thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Nhật Bản.

**II. Nhật Bản chuyển sang chủ nghĩa đế quốc.**

- Cuối thế kỷ XIX kinh tế tư bản chủ nghĩa Nhật Bản phát triển mạnh mẽ.

- Đầu thế kỉ XX hình thành các công ti độc quyền như Mit-xui, Mít-su-bi-si... chi phối kinh tế, chính trị Nhật Bản.

- Giới cầm quyền Nhật Bản thi hành chính sách đối ngoại xâm lược hiếu chiến.

→ Tình hình đó làm cho đế quốc Nhật có đặc điểm là đế quốc phong kiến quân phiệt.

**Bài 13**

**CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)**

**I. Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh.**

**1. Nguyên nhân sâu xa.**

- Cuối TK XIX - đầu TK XX, sự phát triển không đều giữa các nước tư bản làm cho mâu thuẫn về thị trường và thuộc địa của các nước đế quốc ngày càng gay gắt.
- Thành lập hai khối quân sự đối lập: khối Liên minh (Đức, Áo- Hung, I-ta-li-a), khối Hiệp ước (Anh, Pháp, Nga). Cả hai tích cực chạy đua vũ trang.

**2. Nguyên nhân trực tiếp.**

- Thái tử Áo – Hung bị một phần tử khủng bố Xéc-bi ám sát.

**II. Những diễn biến chính của chiến sự.**

**1. Giai đoạn thứ nhất (1914 – 1918).**

## NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 9

- Sau sự kiện Thái tử Áo– Hung bị ám sát (28-6-1914), từ ngày 1-3/8 Đức tuyên chiến với Nga và Pháp. Ngày 4-8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.
- Năm 1914 Đức chiếm Bỉ, tấn công Pháp; Nga tấn công Đức cứu nguy cho Pháp.
- Từ năm 1916 chiến tranh chuyển sang thế cầm cự.
- Đức chiến nhanh chóng lan rộng ra qui mô toàn thế giới.

### 8. MÔN ĐỊA LÝ 8 – TUẦN 9

#### Tiết 9: ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I. MÔN ĐỊA LÝ 8

##### I. Nội dung ôn tập

##### 1. Trắc nghiệm:

- Vị trí, địa hình, khoáng sản, sông ngòi, cảnh quan, dân cư, xã hội châu Á.
- Thực hành: Đọc phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á
- Thực hành: Đọc phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn ở châu Á.

##### 2. Tự Luận

**Câu 1.** Trình bày các kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á và giải thích vì sao khí hậu châu Á phân hóa đa dạng?

**Câu 2.** Trình bày đặc điểm chung sông ngòi châu Á. Giải thích vì sao sông ngòi châu Á có chế độ nước phức tạp?

**Câu 3.** Nêu đặc điểm địa hình châu Á?

**Câu 4.** Hãy chứng minh cảnh quan châu Á phân hóa đa dạng ?

**Câu 5.** Hãy nêu các đặc điểm vị trí địa lí, kích thước của lãnh thổ châu Á và ý nghĩa của chúng đối với khí hậu?

**Câu 6.** Tại sao châu Á là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất thế giới?

##### 3. Hướng dẫn về nhà

- Ôn tập toàn bộ kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 6. Trả lời các câu hỏi bài tập trong sgk cuối mỗi bài học.

- Tiết sau kiểm tra 1 tiết

### 9. MÔN CÔNG NGHỆ 8 – TUẦN 9

#### VẬT LIỆU CƠ KHÍ (TT)

##### II. Tính chất cơ bản của vật liệu cơ khí

##### 1. Tính chất cơ học

- TC cơ học biểu thị khả năng chịu tác dụng của lực bên ngoài: tính cứng, tính bền, tính dẻo

- VD: Thép cứng hơn nhôm, đồng dẻo hơn thép

##### 2. Tính chất vật lí

- Là tính chất của vật liệu thể hiện qua các hiện tượng vật lí khi thành phần hóa học của nó không đổi: Nhiệt độ nóng chảy, tính dẫn nhiệt, dẫn điện

- VD: Bạc dẫn nhiệt, dẫn điện tốt hơn đồng

##### 3. Tính chất hóa học

- Cho biết khả năng của vật liệu chịu được td hóa học trong các môi trường axit, bazơ, tính chống ăn mòn

- VD: Thép nhôm, đồng dễ bị ăn mòn khi tiếp xúc với muối ăn. Cao su ít bị ăn mòn khi tiếp xúc với muối ăn

##### 4. Tính chất công nghệ

- Cho biết khả năng gia công của vật liệu: tính đúc, tính hàn, tính rèn..

**I. Dụng cụ đo và kiểm tra**

**1. Thước đo chiều dài**

a. Thước lá

- Được chế tạo bằng thép hợp kim, không gỉ
- Thường có chiều dày: 0.9-1.5mm, rộng 10-20mm, dài 150-1000mm. Trên thước có vạch chia cách nhau 1mm
- Dùng để đo độ dài của các chi tiết hoặc xác kích thước của SP

b. Thước đo góc

- Thước đo góc thường dùng là ê ke, ke vuông, thước đo góc vạn năng
- Dùng để đo góc

**II. Dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt**

**1. Dụng cụ tháo lắp**

- Mỏ lết dùng để tháo lắp các bu lông, đai ốc..
- Cờ lê: Dùng để tháo lắp bu lông, đai ốc
- Tua vít: Vặn các vít có đầu kẽ rãnh

**2. Dụng cụ kẹp chặt**

- Ê tô: dùng để kẹp chặt vật khi gia công
- Kim: dùng để kẹp chặt vật bằng tay

**3. Vật liệu:**

- Đều được làm bằng thép tôi cứng

**III. Dụng cụ gia công**

- Búa: có cán bằng gỗ, đầu búa bằng thép dùng để đập tạo lực
- Cưa: Dùng để cắt các dụng cụ gia công làm bằng sắt
- Đục: Dùng để chặt các vật gia công làm bằng sắt
- Dũa: Dùng để tạo độ nhẵn bóng bề mặt hoặc làm tù các cạnh sắc làm bằng sắt...

**10. MÔN GD&ĐT 8 – TUẦN 9**

**Bài : XÂY DỰNG TÌNH BẠN TRONG SÁNG, LÀNH MẠNH**

**I. Phần nội dung bài học HS ghi vào vở :**

**1/ Thế nào là tình bạn?**

Tình bạn là tình cảm gắn bó giữa hai hoặc nhiều người trên cơ sở hợp nhau về tính tình, sở thích hoặc có chung xu hướng hoạt động, có cùng lí tưởng...

**\* Đặc điểm của tình bạn trong sáng, lành mạnh**

- Phù hợp với nhau về quan niệm sống
- Bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau
- Chân thành, tin cậy và có trách nhiệm với nhau
- Thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau.
- Tình bạn có thể có giữa những người cùng giới hoặc khác giới.

**2/ Vì sao phải xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh?( Thực hành )**

**Gợi ý :** Tình bạn trong sáng, lành mạnh giúp con người cảm thấy ấm áp, tự tin, yêu cuộc sống hơn, biết tự hoàn thiện mình để sống tốt hơn.

**VD :** HS tự cho VD về tình bạn trong sáng, lành mạnh ở trường, lớp mà em biết.

**3/ Cách rèn luyện:**

## NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 9

- Đề xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh cần có thiện chí và cố gắng từ 2 phía; có sự chân thành, thông cảm, đồng cảm với nhau; chấp nhận những ưu, khuyết điểm của bạn và cùng nhau sửa chữa...
- Quý trọng những người có ý thức xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh.

### **II. Phần Đặt vấn đề HS tự đọc, tìm hiểu và trả lời các câu hỏi sau :**

HS tự đọc phần DVD SGK Tr 15,16 , tìm hiểu và trả lời các câu hỏi sau:

- H1. Nêu những việc làm mà Ăngghen đã làm cho C.Mác?
- H2. Em nhận xét gì về tình bạn của Mác và Ăngghen?
- H3. Theo em, tình bạn giữa Mác và Ăngghen dựa trên cơ sở nào?
- H4. Ngoài tình bạn giữa Mac và Ăngghen, em hãy kể một số tình bạn khác mà em biết.
- H5. Qua phần tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là tình bạn?
- H6. Có phải tất cả bạn bè đều là tình bạn tốt không?
- H7. Em hiểu thế nào là tình bạn trong sáng, lành mạnh và tình bạn tiêu cực?
- H8. Có ý kiến cho rằng: Không có tình bạn trong sáng, lành mạnh giữa hai người khác giới. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?
- H9. Hãy nêu một số câu ca dao, tục ngữ về tình bạn mà em biết?
- H10. Vì sao phải xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh?
- H11. Theo em làm thế nào để có tình bạn trong sáng lành mạnh?

## **11. MÔN TIN HỌC 8 – TUẦN 9**

### **BÀI THỰC HÀNH 3**

### **KHAI BÁO VÀ SỬ DỤNG BIẾN**

**Nội dung:**

#### **I. Lý thuyết**

##### **1. Các kiểu dữ liệu trong Pascal**

<b>Tên kiểu</b>	<b>Phạm vi giá trị</b>
<b>Byte</b>	Các số nguyên từ 0 đến 255
<b>integer</b>	Số nguyên từ -32768 đến 32767
<b>real</b>	Số thực có giá trị tuyệt đối trong khoảng $2,9 \times 10^{-39}$ đến $1,7 \times 10^{38}$ và số 0.
<b>char</b>	Một kí tự trong bảng chữ cái.
<b>string</b>	Xâu kí tự, tối đa gồm 255 kí tự.

##### **2. Cú pháp khai báo biến và lệnh gán trong Pascal**

- **Var** <tên biến> : <kiểu dữ liệu>;
- <tên biến> := <biểu thức> ;

##### **3. Cú pháp khai báo hằng trong Pascal**

- **Const** <tên hằng> = <giá trị của hằng> ;

##### **4. Lệnh nhập giá trị cho biến**

- **Readln**(<danh sách biến>)
- Hay **read**(<danh sách biến>)

#### **II. Bài tập**

**Làm bài tập 1,2 SGK trang 35,35 vào vở và gõ thực hành trên pascal.**

**12. MÔN ÂM NHẠC 8 – TUẦN 9**

**Tiết 9: Học hát bài:**

*Tuổi Hồng*

*Nhạc và lời: Trương Quang Lục*

**I. Tìm hiểu bài:**

**1. Tác giả:**

-Nhạc sĩ Trương Quang Lục sinh năm: 1933, quê ở Quảng Ngãi, là hội viên Hội nhạc sĩ Việt Nam đồng thời là hội viên Hội nhà báo Việt Nam.

- Một số tác phẩm tiêu biểu: Vàm Cỏ Đông, Xỉ cá mè, Màu mực tím, Trái đất này là của chúng em,...

**2. Tác phẩm:**

Bài hát Tuổi hồng dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi đẹp tựa mùa xuân đang về trên cành lá, như khoảng trời bình yên rộng cánh chim bay.

**II. Học hát bài: “Tuổi hồng” Nhạc và lời: Trương Quang Lục**

HS mở Youtube nghe bài hát: “*Tuổi hồng*” Nhạc và lời: Trương Quang Lục và tập hát theo bài hát (Chú ý: sắc thái, cao độ, trường độ của bài hát)

**\* Dẫn dò:**

Học thuộc bài hát: “Tuổi hồng” và tập kết hợp gõ đệm theo nhịp, phách

Xem trước phần nhạc lí: Giọng song song, giọng La thứ hòa thanh và bài TĐN số 3: “Hãy hát, chú chim nhỏ hay hát” ở tiết tiếp theo./.

**13. MÔN MỸ THUẬT 8 – TUẦN 9**

**BÀI 9: VẼ TRANH**

**ĐỀ TÀI NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM  
(KIỂM TRA 1 TIẾT\_ TIẾT 2 – VẼ MÀU)**

**14. MÔN THỂ DỤC 8 – TUẦN 9**

**GIÁO ÁN SỐ : 17– THỂ DỤC 8**

**Bài học : ĐHĐN - CHẠY NGẮN**

Nội dung :

- **ĐHĐN** : Ôn tập đội hình : 0-2-4 và Chạy đều- đứng lại

- **Chạy ngắn**: Ôn: Một số động tác bổ trợ kĩ thuật. Trò chơi : “ chạy lò cò tiếp sức”. Tập luyện hoàn chỉnh các giai đoạn kĩ thuật chạy ngắn.

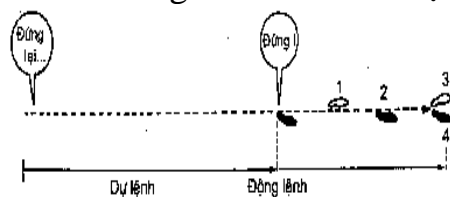
**NỘI DUNG BÀI HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :**

**1.1 : Chạy đều và ĐH 0-2-4 :**

\* yếu lĩnh kĩ thuật thực hiện đội hình 0-2-4 :

- GV hướng dẫn HS cách thực hiện theo đúng nội dung kĩ thuật trong SGK.



**1.2 : Chạy ngắn: ôn tập**

- Một số bài tập bổ trợ.

## NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 9

- Trò chơi: “ Chạy lò cò tiếp sức”
- Tập luyện hoàn chỉnh: Xuất thấp - chạy lao- chạy giữa quãng- chạy về đích (60m).

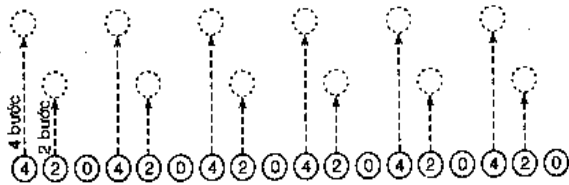
### 2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

#### 1.2 Chạy ngắn :

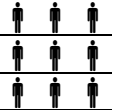
- + **Bài tập 1** : Tập các bài tập bổ trợ :
  - Tại chỗ đánh lăng tay nhanh hết tốc độ trong 10 giây
  - Tại chỗ nâng cao đùi- đánh lăng tay hết tốc độ
- + **Bài tập 2** : trò chơi : lò cò tiếp sức
- + **Bài tập 3** : tập xuất phát thấp – chạy lao sau xuất phát
- + **Bài tập 4** : Tập hoàn chỉnh : 4 giai đoạn của chạy ngắn.

#### 2.2 ĐHDN : Chạy đều và đội hình 0- 2 -4

Biến đổi đội hình hàng dọc :



Biến đổi đội hình hàng ngang :



### 3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm toàn bộ 4 giai đoạn kĩ thuật chạy ngắn và thuộc lòng các khẩu lệnh của ĐHDN đã học.

## Bài học : CHẠY NGẮN – ĐÁ CẦU – CHẠY BỀN

Nội dung :

- **Đá Cầu** : Tung cầu bằng đùi, bằng má trong bàn chân, kĩ thuật di chuyển.
- **Chạy ngắn**: Ôn: Một số động tác bổ trợ kĩ thuật. Trò chơi : “ chạy đuổi”. Tập luyện hoàn chỉnh các giai đoạn kĩ thuật chạy ngắn.
- **Chạy bền** : chạy bền trên địa hình tự nhiên.

### NỘI DUNG BÀI HỌC

#### 1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

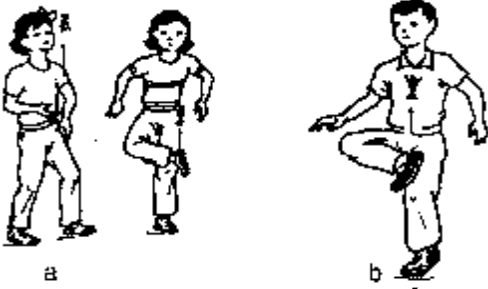
##### 1.1. Nội dung 1: Đá Cầu

\* Yếu lĩnh kĩ thuật động tác tung cầu bằng đùi và má trong bàn chân

- Tung bằng đùi:



- Tung cầu bằng má trong bàn chân



**2.1. Nội dung 2 : Chạy ngắn:** ôn tập

- Một số bài tập bổ trợ.
- Trò chơi: “ Chạy đuổi”
- Tập luyện hoàn chỉnh: Xuất thấp - chạy lao- chạy giữa quãng- chạy về đích (60m).

**3.1. Nội dung 3 : Chạy bền:**

Chạy trên địa hình tự nhiên

**2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**2.1. Chạy ngắn :** ( nhóm 1)

- + **Bài tập 1 :** Tập các bài tập bổ trợ
- Tại chỗ nâng cao đùi- đánh lăng tay hết tốc độ
- + **Bài tập 2 :** trò chơi : Chạy đuổi
  - Yêu cầu : Xuất phát thấp.
- + **Bài tập 3 :** tập xuất phát thấp – chạy lao sau xuất phát
- + **Bài tập 4 :** Tập hoàn chỉnh : 4 giai đoạn của chạy ngắn.

**2.2 . Đá cầu** (nhóm 2)

- + Bài tập 1: tung cầu bằng đùi và má trong bàn chân
- Tại chỗ thực hiện đá má trong – tập không có cầu ( sao cho 2 má trong bàn chân song song với mặt phẳng tưởng tượng cắt ngang thắt lưng)

**3.2. Chạy bền :**

- Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên:
- Chạy quanh sân tập , cự li từ 800m Nữ – 1000m Nam

**3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm toàn bộ 4 giai đoạn kĩ thuật chạy ngắn và tung cầu bằng đùi, bằng má trong bàn chân.